

THỰC TRẠNG CÁC YẾU TỐ KHÁCH QUAN ẢNH HƯỞNG TỚI HIỆU QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH VÕ – QUYỀN ANH, NGÀNH HUẤN LUYỆN THỂ THAO, TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

Mai Thị Phương Liên⁽¹⁾; Vũ Thị Hiền⁽¹⁾; Nguyễn Tiến Sơn⁽²⁾

Thông tin bài báo:

Ngày nhận bài: 25/03/2026

Ngày phản biện: 14/04/2026

Ngày đăng: 28/05/2026

Tác giả liên hệ:

Mai Thị Phương Liên

Email: lienmtp@gmail.com

Tập 3, số 3 (2026), trang 123-128

DOI:

<https://doi.org/10.64024/upes14043>

Bản quyền © 2026. Bài báo này là công bố Truy cập Mở (Open Access) và được phân phối theo các điều khoản của Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International (CC BY-NC 4.0).

Tóm tắt: Nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng các yếu tố khách quan ảnh hưởng tới hiệu quả nghiên cứu khoa học của sinh viên chuyên ngành Võ – Quyền Anh, ngành Huấn luyện thể thao, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh thông qua sử dụng các phương pháp nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực TDTT. Kết quả xác định được 05 nhóm yếu tố khách quan với 20 tiêu chí gồm: sự hướng dẫn và hỗ trợ của giảng viên; cơ chế, chính sách và môi trường học thuật của nhà trường; cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ; văn hóa nghiên cứu và cộng đồng học thuật; chính sách kết nối doanh nghiệp – nghiên cứu – xã hội. Kết quả khảo sát cho thấy các yếu tố được đánh giá chủ yếu ở mức trung bình khá; tuy nhiên vẫn tồn tại một số hạn chế như chất lượng phản hồi chuyên môn, mức độ thường xuyên của hoạt động học thuật, khả năng tiếp cận học liệu số và mức độ hợp tác với doanh nghiệp.

Từ khóa: Yếu tố ảnh hưởng, nghiên cứu khoa học, chuyên ngành Võ – Quyền Anh, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

Current status of objective factors affecting the effectiveness of scientific research among students majoring in Martial Arts–Boxing, Sports Coaching Program, Bac Ninh Sports University

Mai Thi Phuong Lien⁽¹⁾; Vu Thi Hien⁽¹⁾; Nguyen Tien Son⁽²⁾

Article Information:

Received: 25/03/2026

Review date: 14/04/2026

Published: 28/05/2026

Corresponding Author:

Mai Thi Phuong Lien

Email: lienmtp@gmail.com

Vol.3, Issue 3 (2026), pp 123-128

DOI:

<https://doi.org/10.64024/upes14043>

Copyright © 2026. This is an Open Access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International (CC BY-NC 4.0).

Abstract: This study aimed to assess the current status of objective factors affecting the effectiveness of scientific research among students majoring in Martial Arts–Boxing in the Sports Coaching program at Bac Ninh Sports University through fundamental research methods in the field of physical education and sport. The results identified five groups of objective factors with 20 criteria, including lecturer guidance and support; institutional mechanisms, policies, and academic environment; facilities and technological infrastructure; research culture and academic community; and policies linking enterprises, research, and society. The survey results showed that these factors were generally rated at a fairly average level; however, several limitations remained, including the quality of professional feedback, the regularity of academic activities, access to digital learning resources, and the level of cooperation with enterprises.

Keywords: Influencing factors, scientific research, Martial Arts–Boxing major, Bac Ninh Sports University.

⁽¹⁾ThS ⁽²⁾SV Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học theo định hướng phát triển năng lực nghiên cứu và sáng tạo của người học, hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) của sinh viên ngày càng được coi là một thành tố quan trọng trong nâng cao chất lượng đào tạo. Đối với sinh viên ngành Huấn luyện thể thao, đặc biệt là chuyên ngành Võ – Quyền Anh, NCKH không chỉ giúp củng cố tri thức lý luận mà còn góp phần phát triển tư duy khoa học, khả năng phân tích và vận dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn huấn luyện và thi đấu. Bên cạnh các yếu tố chủ quan của người học, hiệu quả NCKH còn chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ các yếu tố khách quan như sự hướng dẫn của giảng viên, cơ chế chính sách và môi trường học thuật của nhà trường, điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ cũng như văn hóa nghiên cứu và sự kết nối với thực tiễn xã hội. Những yếu tố này tạo nên môi trường và điều kiện bảo đảm cho hoạt động nghiên cứu của sinh viên được hình thành và phát triển. Tuy nhiên, các yếu tố khách quan ảnh hưởng tới hiệu quả NCKH của sinh viên chuyên ngành Võ – Quyền Anh tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh chưa được đánh giá một cách hệ thống. Vì vậy, việc nghiên cứu thực trạng các yếu tố khách quan ảnh hưởng tới hiệu quả NCKH của sinh viên là cần thiết, nhằm làm rõ mức độ tác động của từng yếu tố tới kết quả NCKH của đối tượng nghiên cứu.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu, phương pháp quan sát sư phạm, phương pháp phỏng vấn và phương pháp toán học thống kê.

Nghiên cứu được tiến hành trên 32 giảng viên và 18 sinh viên chuyên ngành Võ – Quyền Anh, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh (đang tiến hành nghiên cứu) và khóa Đại học 57 (đã nghiên cứu xong và mới ra trường)

Thời điểm nghiên cứu: Năm học 2024-2025.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Xác định các yếu tố khách quan ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

Thông qua tham khảo tài liệu, phân tích các công trình nghiên cứu có liên quan, phỏng vấn

trực tiếp các chuyên gia và phỏng vấn trên diện rộng bằng phiếu hỏi, quá trình nghiên cứu đã xác định được 5 yếu tố khách quan với 20 tiêu chí cụ thể ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động NCKH của sinh viên chuyên ngành Võ - Quyền Anh, ngành Huấn luyện thể thao, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh. Cụ thể gồm:

Sự hướng dẫn và hỗ trợ của giảng viên: 4 tiêu chí

Cơ chế, chính sách và môi trường học thuật của nhà trường: 4 tiêu chí

Cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ: 4 tiêu chí

Văn hóa nghiên cứu và cộng đồng học thuật: 4 tiêu chí

Chính sách kết nối doanh nghiệp - nghiên cứu - xã hội: 4 tiêu chí

2. Thực trạng các yếu tố khách quan ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên chuyên ngành Võ - Quyền Anh, ngành Huấn luyện thể thao, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Tiến hành đánh giá thực trạng các yếu tố khách quan ảnh hưởng tới hiệu quả NCKH của sinh viên được thông qua phỏng vấn giảng viên trực tiếp hướng dẫn sinh viên NCKH, các nhà khoa học và sinh viên chuyên ngành Võ - Quyền Anh, ngành HLTT bằng phiếu hỏi và so sánh sự khác biệt kết quả trả lời của 2 nhóm. Phỏng vấn được đánh giá bằng thang đo Likert 5 mức. Kết quả được trình bày tại từ bảng 1 tới bảng 5.

Qua bảng 1 cho thấy: các tiêu chí thuộc yếu tố Sự hướng dẫn và hỗ trợ của giảng viên đều được đánh giá ở mức trung bình khá (\bar{x} từ 2.91 đến 3.36), tuy nhiên chưa có tiêu chí nào đạt mức cao. Tiêu chí Mức độ quan tâm, hướng dẫn cụ thể, kịp thời của giảng viên có điểm cao nhất (GV: 3.23; SV: 3.36), cho thấy sinh viên cơ bản nhận được sự đồng hành cần thiết trong quá trình thực hiện đề tài.

Tuy nhiên, điểm đáng chú ý là tiêu chí Chất lượng phản hồi, định hướng chuyên môn trong quá trình nghiên cứu có điểm thấp nhất ở cả hai nhóm (GV: 3.01; SV: 2.91). Đây là điểm nhấn quan trọng, phản ánh hạn chế không nằm ở mức độ quan tâm hay tần suất trao đổi, mà ở chiều sâu định hướng học thuật. Điều này có ý nghĩa đặc biệt trong bối cảnh sinh viên Võ – Quyền Anh còn yếu về nền tảng phương pháp và tư duy

Bảng 1. Thực trạng mức độ ảnh hưởng của sự hướng dẫn và hỗ trợ của giảng viên tới hiệu quả nghiên cứu khoa học của sinh viên chuyên ngành Võ - Quyền Anh, ngành Huấn luyện thể thao, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

TT	Yếu tố	Giáo viên (n=36)		Sinh viên (n=18)		So sánh	
		\bar{x}	δ	\bar{x}	δ	t	P
1	Mức độ quan tâm, hướng dẫn cụ thể, kịp thời của giảng viên	3.23	0.44	3.36	0.36	1.44	>0.05
2	Tần suất và hiệu quả của các buổi trao đổi giữa sinh viên và giảng viên.	3.10	0.37	3.25	0.42	1.22	>0.05
3	Chất lượng phản hồi, định hướng chuyên môn trong quá trình nghiên cứu	3.01	0.40	2.91	0.44	1.71	>0.05
4	Tác phong, tinh thần trách nhiệm, và khả năng truyền cảm hứng nghiên cứu	3.25	0.52	3.19	0.35	1.83	>0.05

phản biện; nếu định hướng chuyên môn chưa thực sự sắc bén, khó có thể nâng cao chất lượng nghiên cứu.

Kết quả kiểm định cho thấy $P > 0,05$ ở tất cả các tiêu chí, chứng tỏ không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa đánh giá của giảng viên và sinh viên, thể hiện sự thống nhất trong nhận định về thực trạng hỗ trợ học thuật hiện nay.

Kết quả đánh giá thực trạng mức độ ảnh

hưởng của cơ chế, chính sách và môi trường học thuật của nhà trường tới hiệu quả NCKH của sinh viên được trình bày tại bảng 2

Qua bảng 2 cho thấy: các tiêu chí thuộc yếu tố Cơ chế, chính sách và môi trường học thuật của nhà trường được đánh giá ở mức trung bình khá (\bar{x} từ 2.95 đến 3.67). Tiêu chí “Sự rõ ràng, minh bạch trong quy trình đăng ký, xét duyệt và hỗ trợ đề tài NCKH” có điểm cao nhất (GV: 3.67; SV:

Bảng 2. Thực trạng mức độ ảnh hưởng của cơ chế, chính sách và môi trường học thuật của nhà trường tới hiệu quả nghiên cứu khoa học của sinh viên chuyên ngành Võ - Quyền Anh, ngành Huấn luyện thể thao, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

TT	Yếu tố	Giáo viên (n=36)		Sinh viên (n=18)		So sánh	
		\bar{x}	δ	\bar{x}	δ	t	P
1	Sự rõ ràng, minh bạch trong quy trình đăng ký, xét duyệt và hỗ trợ đề tài NCKH	3.67	0.44	3.41	0.37	1.46	>0.05
2	Chính sách khen thưởng, khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu	3.53	0.37	3.60	0.43	1.24	>0.05
3	Mức độ thường xuyên của các hoạt động học thuật (seminar, hội thảo, cuộc thi NCKH)	3.04	0.40	2.95	0.45	1.74	>0.05
4	Sự hỗ trợ của các phòng/ban, trung tâm nghiên cứu đối với sinh viên	3.29	0.53	3.24	0.36	1.86	>.05

3.41), cho thấy hệ thống quản lý đề tài về cơ bản được tổ chức tương đối rõ ràng. Bên cạnh đó, chính sách khen thưởng, khuyến khích nghiên cứu cũng được đánh giá tích cực.

Tuy nhiên, tiêu chí “Mức độ thường xuyên của các hoạt động học thuật (seminar, hội thảo, cuộc thi NCKH)” có điểm thấp nhất ở cả hai nhóm (3.04; 2.95). Đây là điểm nhấn quan trọng, phản ánh môi trường học thuật chưa thật sự sôi động và chưa tạo được không gian trao đổi chuyên sâu. Liên hệ với bảng 3.1, có thể thấy dù giảng viên có sự quan tâm hướng dẫn, nhưng nếu hoạt động

học thuật chung của nhà trường chưa thường xuyên, việc phát triển tư duy phản biện và bản lĩnh học thuật của sinh viên sẽ bị hạn chế.

Kết quả kiểm định cho thấy $P > 0,05$ ở tất cả các tiêu chí, thể hiện sự thống nhất trong đánh giá giữa giảng viên và sinh viên về thực trạng cơ chế và môi trường học thuật hiện nay.

Kết quả đánh giá thực trạng mức độ ảnh hưởng của cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ tới hiệu quả nghiên cứu khoa học của sinh viên được trình bày tại bảng 3.

Bảng 3. Thực trạng mức độ ảnh hưởng của cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ tới hiệu quả nghiên cứu khoa học của sinh viên chuyên ngành Võ - Quyền Anh, ngành HLTT, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh (n=54)

TT	Yếu tố	Giáo viên (n=36)		Sinh viên (n=18)		So sánh	
		\bar{x}	δ	\bar{x}	δ	t	P
1	Đầy đủ trang thiết bị, phòng thí nghiệm, thư viện, không gian làm việc	3.31	0.44	3.46	0.38	1.48	>0.05
2	Khả năng truy cập và khai thác nguồn dữ liệu, tài liệu số	2.57	0.37	2.66	0.44	1.26	>0.05
3	Hệ thống công nghệ hỗ trợ NCKH (phần mềm, máy tính, Internet, cơ sở dữ liệu học thuật)	3.07	0.40	3.00	0.46	1.77	>0.05
4	Mức độ thuận tiện khi sử dụng cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu	3.33	0.54	3.29	0.37	1.70	>0.05

Qua bảng 3 cho thấy: các tiêu chí thuộc yếu tố Cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ có mức đánh giá phân hóa rõ hơn so với các yếu tố trước. Các tiêu chí về “Đầy đủ trang thiết bị, phòng thí nghiệm, thư viện, không gian làm việc” và “Mức độ thuận tiện khi sử dụng cơ sở vật chất” được đánh giá ở mức trung bình khá (\bar{x} khoảng 3.29–3.46), cho thấy điều kiện vật chất phục vụ nghiên cứu về cơ bản đáp ứng yêu cầu.

Tuy nhiên, điểm nhấn đáng chú ý là tiêu chí “Khả năng truy cập và khai thác nguồn dữ liệu, tài liệu số” có điểm thấp nhất (2.57; 2.66) và là tiêu chí duy nhất dưới mức 3.0. Điều này phản ánh hạn chế rõ rệt về khả năng tiếp cận nguồn học liệu số và cơ sở dữ liệu học thuật – yếu tố có tính nền tảng cho phát triển phương pháp nghiên cứu và tư duy phản biện. Liên hệ với bảng 2, có thể

thấy dù cơ chế quản lý đề tài tương đối rõ ràng, nhưng môi trường học thuật và hạ tầng học liệu số chưa thật sự mạnh, ảnh hưởng trực tiếp đến chiều sâu nghiên cứu của sinh viên.

Kết quả kiểm định cho thấy $P > 0,05$ ở tất cả các tiêu chí, thể hiện sự thống nhất trong đánh giá giữa giảng viên và sinh viên về thực trạng điều kiện cơ sở vật chất và công nghệ hiện nay.

Kết quả đánh giá thực trạng mức độ ảnh hưởng của văn hóa nghiên cứu và cộng đồng học thuật tới hiệu quả NCKH của sinh viên được trình bày tại bảng 4.

Qua bảng 4 cho thấy: các tiêu chí thuộc yếu tố Văn hóa nghiên cứu và cộng đồng học thuật có sự phân hóa rõ rệt. Các tiêu chí “Tinh thần hợp tác, chia sẻ trong sinh viên khi làm NCKH” và “Thái độ của tập thể sinh viên đối với sản phẩm

Bảng 4. Thực trạng mức độ ảnh hưởng của văn hóa nghiên cứu và cộng đồng học thuật tới hiệu quả nghiên cứu khoa học của sinh viên chuyên ngành Võ - Quyền Anh, ngành Huấn luyện thể thao, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh (n=54)

TT	Yếu tố	Giáo viên (n=36)		Sinh viên (n=18)		So sánh	
		\bar{x}	δ	\bar{x}	δ	t	P
1	Tinh thần hợp tác, chia sẻ trong sinh viên khi làm NCKH	3.35	0.44	3.51	0.39	1.50	>0.05
2	Hoạt động của các câu lạc bộ, nhóm nghiên cứu trẻ, diễn đàn học thuật	2.60	0.37	2.70	0.45	1.28	>0.05
3	Mức độ lan tỏa và phổ biến của phong trào NCKH trong sinh viên	2.67	0.40	3.05	0.47	1.80	>0.05
4	Thái độ của tập thể sinh viên đối với các sản phẩm khoa học, sáng kiến mới	3.37	0.55	3.34	0.38	1.73	>0.05

khoa học” được đánh giá ở mức trung bình khá (\bar{x} khoảng 3.34–3.51), cho thấy sinh viên chuyên ngành Võ – Quyền Anh có thái độ tương đối tích cực và sẵn sàng hợp tác trong nghiên cứu.

Tuy nhiên, điểm nhấn đáng chú ý là tiêu chí “Hoạt động của các câu lạc bộ, nhóm nghiên cứu trẻ, diễn đàn học thuật” có điểm thấp nhất (2.60; 2.70), đồng thời “Mức độ lan tỏa phong trào NCKH” cũng chưa cao (2.67; 3.05). Điều này phản ánh văn hóa nghiên cứu chưa thực sự phát triển ở cấp độ tổ chức và cộng đồng. Liên hệ với bảng 2 và 3, có thể thấy mặc dù cơ chế quản lý và cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng, nhưng môi trường học thuật và sinh hoạt nghiên cứu tập thể chưa đủ mạnh để tạo động lực lan tỏa và hình

thành bản lĩnh học thuật bền vững cho sinh viên.

Kết quả kiểm định cho thấy $P > 0,05$ ở tất cả các tiêu chí, thể hiện sự thống nhất trong đánh giá giữa giảng viên và sinh viên về thực trạng văn hóa nghiên cứu hiện nay

Kết quả nghiên cứu thực trạng mức độ ảnh hưởng của chính sách kết nối doanh nghiệp – nghiên cứu – xã hội tới hiệu quả NCKH của sinh viên được trình bày tại bảng 5.

Qua bảng 5 cho thấy: các tiêu chí thuộc yếu tố Chính sách kết nối doanh nghiệp – nghiên cứu – xã hội được đánh giá ở mức trung bình khá, song có sự phân hóa rõ rệt giữa các tiêu chí. Các yếu tố “Cơ hội thực hành, thử nghiệm đề tài vào thực tiễn” và “Hiệu quả định hướng đề tài

Bảng 5. Thực trạng mức độ ảnh hưởng của chính sách kết nối doanh nghiệp – nghiên cứu – xã hội tới hiệu quả nghiên cứu khoa học của sinh viên chuyên ngành Võ - Quyền Anh, ngành Huấn luyện thể thao, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh (n=54)

TT	Yếu tố	Giáo viên (n=36)		Sinh viên (n=18)		So sánh	
		\bar{x}	δ	\bar{x}	δ	t	P
1	Cơ hội thực hành, thử nghiệm hoặc ứng dụng đề tài nghiên cứu vào thực tiễn	3.39	0.44	3.56	0.40	1.52	>0.05
2	Mức độ hợp tác giữa nhà trường với doanh nghiệp, tổ chức trong NCKH sinh viên	2.63	0.37	2.74	0.46	1.30	>0.05
3	Hỗ trợ công bố kết quả nghiên cứu (báo cáo, tạp chí, hội thảo, triển lãm)	3.12	0.40	3.10	0.48	1.83	>0.05
4	Hiệu quả trong việc định hướng đề tài gắn với nhu cầu thực tiễn	3.41	0.56	3.39	0.39	1.76	>0.05



Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học là một vấn đề được chú ý trong đào tạo sinh viên Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

gắn với nhu cầu thực tiễn” có điểm tương đối cao (trung bình khoảng 3.39–3.56), cho thấy định hướng ứng dụng trong đào tạo Huấn luyện thể thao bước đầu được quan tâm.

Tuy nhiên, điểm nhấn nổi bật là tiêu chí “Mức độ hợp tác giữa nhà trường với doanh nghiệp, tổ chức trong NCKH sinh viên” có điểm thấp nhất (2.63; 2.74). Điều này phản ánh mối liên kết bên ngoài còn hạn chế, chưa tạo được hệ sinh thái nghiên cứu – ứng dụng đủ mạnh. Liên hệ với bảng 4, có thể thấy khi văn hóa nghiên cứu nội bộ chưa thực sự sôi động, việc mở rộng hợp tác bên ngoài càng khó phát triển chiều sâu và tính thực tiễn của đề tài.

Kết quả kiểm định cho thấy $P > 0,05$ ở tất cả các tiêu chí, thể hiện sự thống nhất trong đánh giá giữa giảng viên và sinh viên về thực trạng kết nối nghiên cứu hiện nay.

KẾT LUẬN

Thực trạng các yếu tố khách quan ảnh hưởng tới hiệu quả NCKH của sinh viên chuyên ngành Võ – Quyền Anh được đánh giá chủ yếu ở mức trung bình khá, phản ánh môi trường NCKH đã có nền tảng nhưng chưa thực sự tạo đột phá. Điểm mạnh tương đối nằm ở sự rõ ràng của quy trình quản lý đề tài và định hướng ứng dụng thực tiễn trong đào tạo Huấn luyện thể thao. Tuy nhiên, ba điểm nghẽn khách quan nổi bật gồm: chất lượng phản hồi

chuyên môn của giảng viên chưa sâu; hoạt động học thuật và sinh hoạt nghiên cứu tập thể chưa thường xuyên; và hạn chế trong tiếp cận học liệu số cũng như hợp tác doanh nghiệp. Những yếu tố này trực tiếp ảnh hưởng đến việc phát triển tư duy phản biện và chiều sâu nghiên cứu của sinh viên, đồng thời làm suy giảm khả năng lan tỏa và ứng dụng kết quả khoa học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.* Việt Nam.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2012). *Thông tư số 19/2012/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 6 năm 2012 quy định về nội dung hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học.* Việt Nam.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Thông tư số 26/2021/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 9 năm 2021 quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong cơ sở giáo dục đại học.* Việt Nam.
4. Chính phủ. (2013). *Quyết định số 2160/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 phê duyệt Quy hoạch phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.* Việt Nam.
5. Vũ, C. Đàm. (1995). *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học.* Hà Nội, Việt Nam: Viện Nghiên cứu Phát triển Giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo.